

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28/9/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Xuân Thủy.

2. Bà Trần Thị Sáu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2023; giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Ma Tiến Đ, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã BN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Chị Văn Thị L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã BN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 7, xã QT, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

(Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Ma Tiến Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ma Tiến Đ và chị Văn Thị L được tự do tìm hiểu đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 nhưng không

đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến ngày 20/7/2017 anh và chị L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống tại Thôn ĐT, xã BN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau dẫn đến tình cảm bị rạn nứt cuộc sống không có hạnh phúc. Đến năm 2021 chị L đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh, thời gian đầu chị L vẫn thường xuyên về thăm gia đình và con nhưng đến khoảng tháng 7 năm 2021 chị L bỏ đi không về chung sống cùng anh nữa, thi thoảng chị L mới về nhà thăm con, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Sau khi chị L bỏ đi anh đã nhiều lần khuyên bảo chị L quay về chung sống cùng anh để cùng nhau nuôi dạy con nhưng chị L cương quyết không về chung sống cùng anh nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Văn Thị L.

- Về con chung: Có 01 con là cháu Ma Thị Ngọc Th, sinh ngày 13/3/2017. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Văn Thị L đến Tòa án để giải quyết việc anh Đ yêu cầu ly hôn nhưng chị L đều không có mặt. Quá trình xác minh tại địa phương thì chị L vẫn đăng ký thường trú tại Thôn ĐT, xã BN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Kết quả ủy thác thu thập tài liệu chứng cứ: Hiện nay chị Văn Thị L không sinh sống tại thôn 7, xã QT, huyện Quỳnh L, tỉnh Nghệ An. Theo lời khai của bà Lê Thị Q (mẹ đẻ chị Văn Thị L) thì chị L và anh Đ được tự nguyện tìm hiểu kết hôn vào năm 2017 đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị L, anh Đ chung sống tại xã QT, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An một thời gian thì chị L cắt khẩu và chuyển đến sinh sống cùng anh Đ tại huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L nghi ngờ anh Đ có quan hệ với người khác nên vợ chồng chửi bới xúc phạm nhau. Chị L bỏ về Nghệ An sau đó đi làm ăn xa, về địa chỉ cụ thể của chị L thì gia đình không biết, chị L thường xuyên liên lạc bằng điện thoại với gia đình, thỉnh thoảng về thăm gia đình vài ngày lại đi làm, vợ chồng chị L, anh Đ sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Qua thông tin Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa gửi văn bản và tổng đạt văn bản tố tụng bà Lê Thị Quỳnh đã nhận và thông tin cho chị L biết việc anh Đ xin ly hôn. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, chị L xác định tình cảm giữa chị và anh Đ không còn nữa. Về con chung: Chị L và anh Đ có 01 con là cháu Ma Thị Ngọc Th, sinh ngày 13/03/2017, hiện nay cháu Th đang sống cùng anh Đ nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì giao con cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng nếu như anh Đ không nuôi con được thì giao cho chị L nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo quy định của pháp luật; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ, quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của anh Ma Tiến Đ, cho anh Ma Tiến Đ được ly hôn với chị Văn Thị L.

- Về con chung: Giao cháu Ma Thị Ngọc Th, sinh ngày 13/3/2017 cho anh Ma Tiến Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ xác định không có, nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Ma Tiến Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Anh Ma Tiến Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho anh ly hôn với chị Văn Thị L có hộ khẩu thường trú tại Thôn ĐT, xã BN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy chị Văn Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn ĐT, xã BN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị L đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ chị L đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình chị L đã thông báo nhưng chị L không về và cũng không thông báo nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh, Ủy thác thu thập chứng cứ; thực hiện tổng đạt các văn bản tố

tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh Ma Tiến Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Văn Thị L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ma Tiến Đ và chị Văn Thị L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh tại Thôn ĐT, xã BN, huyện Chiêm Hóa cho thấy: Anh Đ và chị L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2021 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng, nghi ngờ nhau có quan hệ bất chính nên vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau, cũng trong năm 2021 chị L bỏ đi làm công nhân ở ngoài địa phương, thi thoảng chị L có về thăm con vài ngày lại đi làm, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa, do vậy giữa anh chị không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ma Tiến Đ xử cho anh Ma Tiến Đ được ly hôn chị Văn Thị L.

[2.2] Về con chung: Anh Ma Tiến Đ và chị Văn Thị L có 01 con chung là cháu Ma Thị Ngọc Th, sinh ngày 13/3/2017. Anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th. Xét thấy hiện nay chị L thường xuyên vắng mặt tại địa phương, kể từ năm 2021 chị L bỏ đi cháu Th do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Ma Thị Ngọc Th, sinh ngày 13/3/2017 cho anh Ma Tiến Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Văn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Ma Tiến Đ xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Ma Tiến Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị Văn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của anh Ma Tiến Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Ma Tiến Đ được ly hôn với chị Văn Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Ma Thị Ngọc Th, sinh ngày 13/3/2017 cho anh Ma Tiến Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Văn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Ma Tiến Đ phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0005563 ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nay được chuyển thành tiền án phí. Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Văn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Bình Nhân;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- L HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Huệ

